

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 12 - 2024

*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Trần Thị Út

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 180/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Ú, sinh năm: 1971 (tên thường gọi: Út Mập);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Phan Hữu H (Vắng mặt), bà Phạm Thị Thùy N, sinh năm: 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Ú trình bày: Do chỗ quen biết gần nhà nên vào ngày 25/3/2021 âm lịch bà có cho bà Phạm Thị Thùy N là vợ của ông Phan Hữu H (tên thường gọi là Cam A) vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn cho vay vài tháng sẽ trả lại, lãi suất thoả

thuận 5%/tháng, vợ chồng ông H, bà N đóng lãi được 06 (sáu) tháng từ ngày 25/4/2021 đến ngày 25/9/2021 thì ngưng không đóng lãi nữa. Đến tháng 10 năm 2021 bà yêu cầu trả lại số tiền để bà sửa chữa nhà nhưng bà N không trả, bà liên hệ ông H để đòi lại tiền thì ông H cố tình đùn đẩy không chịu trả. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông Phan Hữu H và bà Phạm Thị Thùy N phải trả cho bà số tiền vay là 20.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 25 tháng 10 năm 2021 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Phan Hữu H và bà Phạm Thị Thùy N đã được Toà án thông báo, triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Phan Hữu H thì từ chối nhận, bà Phạm Thị Thùy N không có mặt ở nhà nên Toà án đã lập thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông H và bà N không làm bản tự khai hay văn bản nêu ý kiến trình bày của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Toà án. Tại phiên toà hôm nay ông H vẫn vắng mặt không có lý do, bà N có mặt nhưng cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn có thời điểm chưa chấp hành tốt theo các thông báo, giấy triệu tập của Toà án. Về việc giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ thì ông H từ chối nhận văn bản tố tụng và cho rằng mình không liên quan đến vụ án; nguyên đơn và bị đơn là bà N tại phiên toà thừa nhận việc vay tiền không có mặt ông H, bà N thì khai nhận chỉ vay một mình và dùng tiền vay để đánh bài tứ sắc và tiêu xài mục đích cá nhân của bà N. Tại phiên toà bị đơn Phạm Thị Thùy N thừa nhận số tiền nợ vay 20.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày nhưng không đồng ý trả lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ú, buộc cá nhân bà Phạm Thị Thùy N có nghĩa vụ trả cho bà Ú số tiền vay là 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày bị đơn vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm và đề nghị khấu trừ lại số tiền lãi bà Ú đã nhận của bà N vượt quy định của pháp luật; không buộc nghĩa vụ cùng trả nợ đối với ông Phan Hữu H. Đề nghị buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc cho vay tiền nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có nơi cư trú tại huyện C nên căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị đơn Phan Hữu H đã được thông báo, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2.2] Tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Ú thừa nhận khi cho vay tiền không có mặt ông Phan Hữu H, việc giao tiền là giao trực tiếp cho bà Phạm Thị Thùy N, bà kiện cả ông H là do khi bà N vay tiền có nói là để sửa chữa nhà nên quyết định khởi kiện cả ông H và bà N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ú: Khi khởi kiện bà Ú có cung cấp giấy ghi theo dõi nợ “Chị Bảy Cam A” hỏi số tiền 20.000.000đồng ngày 25/3/2021. Theo bà Ú thì tên Cam A là tên thường gọi của ông Phan Hữu H ở địa phương. Quá trình tố tụng Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án nêu rõ về việc bà Lê Thị Ú khởi kiện đối với ông Phan Hữu H, bà Phạm Thị Thùy N và các văn bản tố tụng khác theo quy định pháp luật nhưng ông H thì từ chối nhận và cho rằng mình không có liên quan, bà N thì không có mặt ở nhà nên Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật tố tụng đối với bà N nhưng bà N không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án cũng không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn Phạm Thị Thùy N có mặt và cho rằng việc bà vay tiền không có bàn bạc với chồng là ông Phan Hữu H, bà là người trực tiếp đi vay và trực tiếp nhận tiền, khi vay tiền bà Ú bà nói để làm công chuyện chứ không có nói vay để sửa nhà như lời trình bày của bà Ú, tại phiên tòa bà N thừa nhận sau khi vay tiền bà dùng tiền này đi đánh bài tứ sắc và có 01 lần bị bắt phạt hành chính số tiền một triệu mấy bà không nhớ chính xác, số tiền còn lại bà ăn uống tiêu xài cá nhân chứ không có dùng vào mua sắm hay sử dụng vào các sinh hoạt thiết yếu cùng gia đình, bà chỉ đồng ý trả vốn mỗi tháng trả 500.000đồng không đồng ý trả lãi suất. Tại phiên tòa bà Ú cũng thừa nhận khi cho vay chỉ có một mình bà N và bà N là người trực tiếp nhận tiền, bà kiện cả ông H vì bà N nói vay tiền về sửa chữa nhà. Như vậy, lời trình bày của bà Lê Thị Ú và bà Phạm Thị Thùy N là phù hợp nhau là khi vay tiền chỉ có một mình bà N vay và một mình

bà N nhận tiền, bà Ú cho rằng bà N khi vay nói để sửa chữa nhà nhưng không chứng cứ chứng minh và bà N không thừa nhận, ông H cũng không chịu nhận văn bản tố tụng của Tòa án vì cho rằng mình không có liên quan. Mặt khác, không có chứng cứ chứng minh bà N dùng tiền vào sinh hoạt các nhu cầu thiết yếu của gia đình cùng ông H nên việc bà Ú yêu cầu buộc trách nhiệm cả ông H cùng trả nợ là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu về chủ thể bị khởi kiện, cụ thể chỉ buộc cá nhân bị đơn Phạm Thị Thùy N có trách nhiệm trả nợ vay cho bà Ú.

**[4]** Xét thời gian tính lãi và yêu cầu lãi suất của nguyên đơn:

**[4.1]** Xét số tiền lãi bà N đã đóng cho bà Ú: Tại phiên tòa hai bên thống nhất thời hạn vay là ngày 25/3/2021 âm lịch (tức là ngày 06/5/2021 dương lịch), lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng và nguyên đơn, bị đơn thống nhất là bị đơn đã đóng lãi được 06 tháng (đã đóng lãi đến ngày 25/9/2021 âm lịch) với số tiền 6.000.000 đồng.

**[4.2]** Xét mức lãi suất các bên thỏa thuận 5%/tháng (tức bằng 60%/năm: Theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự thì trường hợp có thỏa thuận lãi suất thì mức lãi suất không được cao hơn 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Như vậy, lãi suất bà Ú cho vay là vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định. Tuy nhiên, mức lãi suất chưa vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và bà Ú chỉ nhận tổng tiền lãi 06 tháng bằng 6.000.000 đồng. Đối chiếu với quy định về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự thì việc bà Ú cho vay chưa cấu thành tội phạm Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên việc giải quyết vụ án theo tranh chấp dân sự là đúng quy định.

**[5]** Xét về lãi suất bị đơn N có nghĩa vụ phải trả cho bà Ú: Giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng (tức 60%/năm) là cao so với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại mức lãi suất cho phù hợp với Bộ luật Dân sự là 20%/năm (tức tương đương 1,67%/tháng). Hội đồng xét xử tính mức lãi suất bà Phạm Thị Thùy N phải chịu từ thời điểm vay (quy đổi ngày 25/3/2021 âm lịch sang là ngày 06/5/2021 dương lịch). Theo đó từ ngày 06/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/12/2024 là: 03 năm 07 tháng 21 ngày X 20.000.000 đồng X 20%/12 tháng = 14.566.667 đồng. Khấu trừ số tiền bà N đã trả trước 06 tháng là 6.000.000 đồng. Cụ thể: 14.566.667 đồng - 6.000.000 đồng = 8.566.667 đồng.

**[6]** Từ những phân tích và nhận định nêu trên, không có cơ sở buộc trách nhiệm bị đơn Phan Hữu H cùng trả nợ; có cơ sở buộc cá nhân bà Phạm Thị Thùy N trả cho bà Lê Thị Út T đến ngày xét xử sơ thẩm 27/12/2024 với tổng số tiền là 28.566.667 đồng (Trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, lãi suất còn lại phải tiếp tục trả là 8.566.667 đồng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Phạm Thị Thùy N phải chịu là 28.566.667 đồng X 5% = 1.428.333 đồng.

[8] Xét ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ú đối với bà Phạm Thị Thùy N về hợp đồng vay tài sản; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ú đối với ông Phan Hữu H cùng có nghĩa vụ trả nợ vay.

1.1. Buộc bà Phạm Thị Thùy N trả cho bà Lê Thị Ú tổng số tiền là 28.566.667 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi là 8.566.667 đồng (Tám triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

1.2. Kể từ ngày nguyên đơn bà Lê Thị Ú có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Phạm Thị Thùy N chậm trả tiền thì bà Phạm Thị Thùy N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Thùy N phải chịu là 1.428.333 đồng. (Một triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Bà Lê Thị Ú được nhận lại được nhận lại số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004771 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Lê Thị Ú, bị đơn Phạm Thị Thùy N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 27/12/2024. Bị đơn Phan Hữu H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Tâm**